

Cuộc đấu tranh chống phát xít của phe Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945) đã tạo cơ hội khách quan cho các thuộc địa vùng lên tự giải phóng khỏi ách thực dân. Đảng Cộng sản Đông Dương đã kịp thời chuyển hướng đấu tranh, tích cực chuẩn bị lực lượng, chờ thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám thắng lợi, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

I – TÌNH HÌNH VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1939 – 1945

1. Tình hình chính trị

Ngày 1 – 9 – 1939, phát xít Đức tiến công Ba Lan. Ngày 3 – 9 – 1939, Pháp và Anh tuyên chiến với Đức. Chính phủ Pháp thực hiện chính sách thù địch đối với các lực lượng tiến bộ trong nước và phong trào cách mạng ở các thuộc địa, trong đó có Đông Dương.

Tháng 6 – 1940, Pháp đầu hàng Đức. Ở Đông Dương, Đô đốc G. Đơcu được cử làm Toàn quyền thay G. Catoru. Chính quyền mới thực hiện một loạt chính sách vơ vét sức người, sức của của Đông Dương dốc vào cuộc chiến tranh.

Cuối tháng 9 – 1940, quân Nhật Bản vượt biên giới Việt – Trung vào miền Bắc Việt Nam. Quân Pháp nhanh chóng đầu hàng. Phát xít Nhật giữ nguyên bộ máy thống trị của thực dân Pháp, dùng nó để bóc lột kinh tế phục vụ cho nhu cầu chiến tranh và đàn áp phong trào cách mạng. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Nhật – Pháp. Ở trong nước lúc này không chỉ có những đảng phái chính trị thân Pháp mà cả những đảng phái thân Nhật Bản, như Đại Việt, Phục quốc... Nhật Bản và tay sai ra sức tuyên truyền lừa bịp về văn minh và sức mạnh của Nhật Bản, về thuyết Đại Đông Á, dọn đường cho Nhật Bản hất cẳng Pháp.

Tháng 6 – 1941, Đức tấn công Liên Xô. Cuộc chiến đấu của nhân dân Liên Xô trong cuộc chiến tranh vệ quốc đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào cách mạng Việt Nam.

2. Tình hình kinh tế – xã hội

Đầu tháng 9 – 1939, Toàn quyền Catoru ra lệnh tổng động viên nhằm cung cấp cho "mẫu quốc" tiềm lực tối đa của Đông Dương về quân sự, nhân lực, các sản phẩm và nguyên liệu.

Thực dân Pháp thi hành chính sách "Kinh tế chỉ huy". Chúng tăng mức thuế cũ, đặt thêm thuế mới..., đồng thời sa thải bớt công nhân, viên chức, giảm tiền lương, tăng giờ làm... Chúng kiểm soát gắt gao sản xuất và phân phối, ấn định giá cả...

Khi quân Nhật vào Đông Dương, Pháp buộc phải để cho Nhật sử dụng các sân bay, phương tiện giao thông, kiểm soát hệ thống đường sắt và các tàu biển. Nhật Bản còn bắt chính quyền thực dân Pháp hàng năm nộp cho chúng một khoản tiền lớn. Trong 4 năm 6 tháng, Pháp phải nộp một khoản tiền gần 724 triệu đồng.

Quân Nhật còn cướp ruộng đất của nông dân, bắt nông dân nhổ lúa, ngô để trồng đay, thuỷ dầu phục vụ cho nhu cầu chiến tranh.

Nhật Bản yêu cầu chính quyền thực dân Pháp xuất khẩu các nguyên liệu chiến lược sang Nhật như than, sắt, cao su, xi măng v.v...

Một số công ty của Nhật Bản đầu tư vào những ngành phục vụ cho nhu cầu quân sự như khai thác mangan, sắt ở Thái Nguyên, apatít ở Lào Cai, crôm ở Thanh Hoá.

Chính sách vơ vét bóc lột của Pháp – Nhật đã đẩy nhân dân ta tới chõ cùng cực. Hậu quả là cuối năm 1944 – đầu năm 1945 có khoảng 2 triệu đồng bào ta chết đói.

Tất cả các giai cấp, tầng lớp xã hội ở nước ta, trừ bọn tay sai đế quốc, đại địa chủ và tư sản mại bản, đều bị ảnh hưởng bởi chính sách bóc lột của Pháp – Nhật.

Công nhân bị bóc lột nặng nề, phải làm việc từ 10 đến 12 giờ/ngày, tiền lương giảm, giá cả sinh hoạt đắt đỏ.

Nông dân chịu sưu cao, thuế nặng, phải đi lính đi phu, bị cưỡng bức nhổ lúa trồng đay, thuỷ dầu.

Tiểu tư sản trí thức, viên chức mất việc làm hoặc bị giảm lương ; tiểu thương bán ế hàng, nhiều tiểu chủ phải ngừng sản xuất.

Tư sản dân tộc vừa bị chính sách "Kinh tế chỉ huy" làm cho phá sản, vừa bị thiệt hại vì sức mua của nhân dân giảm sút.

Địa chủ vừa và nhỏ bị thiệt hại và bị phá sản vì chiến tranh, do phải nộp thóc tạ, chịu thuế cao.

Những biến chuyển của tình hình thế giới và trong nước đặt ra cho Đảng ta nhiệm vụ phải nắm bắt và đánh giá chính xác, kịp thời tình hình, đề ra đường lối đấu tranh phù hợp.

 *Hãy trình bày những nét chính về tình hình nước ta những năm đầu Chiến tranh thế giới thứ hai.*

II – PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TỪ THÁNG 9 – 1939 ĐẾN THÁNG 3 – 1945

1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 – 1939

Hai tháng sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, từ ngày 6 đến ngày 8 – 11 – 1939, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập tại Bà Điểm (Hóc Môn – Gia Định), do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ chủ trì. Sau khi phân tích tính chất cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, nhận định về tình hình thế giới và Đông Dương, Hội nghị xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, lãi nặng. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công, nông, binh được thay thế bằng khẩu hiệu lập chính quyền dân chủ cộng hoà.

Về phương pháp cách mạng, chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai ; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp.

Để tập trung mọi lực lượng của dân tộc vào nhiệm vụ chủ yếu là chống chiến tranh đế quốc và ách thống trị phát xít thuộc địa, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất dân tộc Phản đế Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận Phản đế Đông Dương) thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương không còn phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 – 1939 đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đã đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, thể hiện sự nhạy bén về chính trị và năng lực sáng tạo của Đảng.

2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới

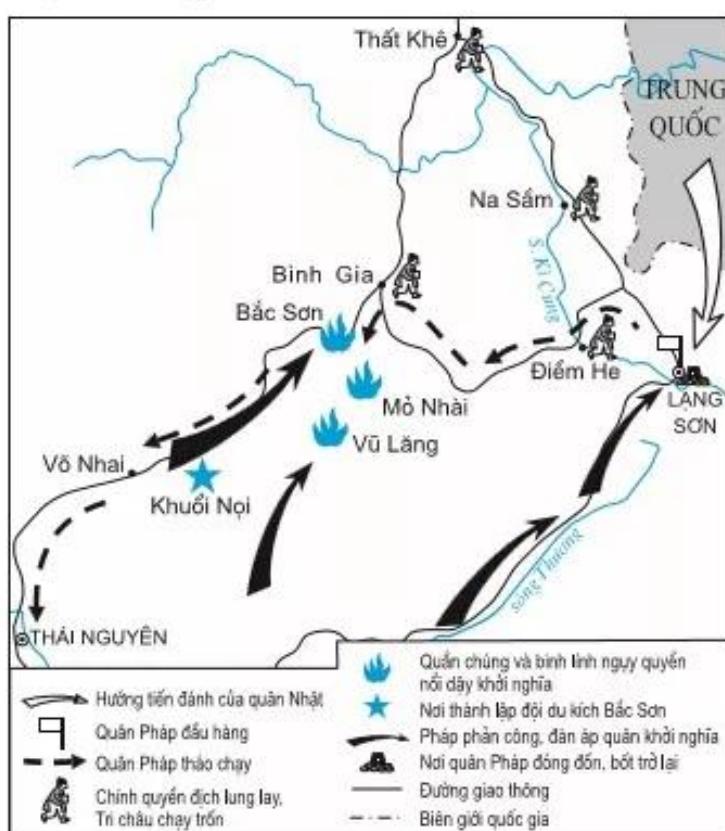
a) Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (27 - 9 - 1940)

Mặc dù thực dân Pháp đã nhượng bộ mọi yêu sách, Nhật Bản vẫn thực hiện kế hoạch đánh chiếm Đông Dương.

Ngày 22 - 9 - 1940, quân Nhật Bản vượt qua biên giới Việt - Trung, đánh chiếm Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ lên Đô Sơn.

Ở Lạng Sơn, quân Pháp bị tổn thất nặng nề. Số lớn quân Pháp đầu hàng, số còn lại rút chạy về Thái Nguyên qua châu Bắc Sơn.

Đêm 27 - 9 - 1940, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương đã nổi dậy chặn đánh quân Pháp, chiếm đồn Mỏ Nhài. Nguy quyền ở Bắc Sơn tan rã. Nhân dân làm chủ châu lị và các vùng lân cận. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập.



Hình 43. Lược đồ khởi nghĩa Bắc Sơn

Tuy Pháp và Nhật Bản mâu thuẫn với nhau, nhưng đều hoảng sợ trước lực lượng cách mạng, đã nhanh chóng câu kết lại. Mấy hôm sau, Nhật Bản thả tù binh Pháp và cho quân Pháp trở lại đóng các đồn bốt ở Lạng Sơn. Thực dân Pháp

tiến hành khủng bố phong trào cách mạng Bắc Sơn. Chúng đốt phá làng bản, dồn làng, tập trung dân, bắn giết những người tham gia khởi nghĩa.

Khởi nghĩa Bắc Sơn có ý nghĩa lịch sử quan trọng – mở đầu phong trào đấu tranh vũ trang giải phóng dân tộc sau khi có chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng. Khởi nghĩa Bắc Sơn giúp Đảng ta rút ra những bài học quý báu về khởi nghĩa vũ trang, chọn thời cơ khởi nghĩa.

b) Cuộc khởi nghĩa Nam Kì (23 - II - 1940)

Tháng 11 - 1940, xảy ra cuộc xung đột giữa thực dân Pháp và Thái Lan. Chính quyền thực dân bắt thanh niên Việt Nam và Cao Miên đi làm bia đỡ đạn. Nhân dân Nam Kì và binh lính đấu tranh phản đối việc đưa binh lính ra mặt trận.

Trong bối cảnh đó, Xứ uỷ Nam Kì chuẩn bị phát động nhân dân khởi nghĩa và cử đại biểu ra Bắc xin chỉ thị của Trung ương.

Trước những thay đổi của tình hình thế giới và trong nước, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập từ ngày 6 đến ngày 9 - 11 - 1940 tại làng Đình Bảng (Tử Sơn - Bắc Ninh). Hội nghị đề ra chủ trương trong tình hình mới : xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương là đế quốc Pháp - Nhật ; quyết định duy trì đội du kích Bắc Sơn để xây dựng thành lực lượng vũ trang cách mạng ; tiến tới thành lập căn cứ du kích ; quyết định đình chỉ khởi nghĩa vũ trang ở Nam Kì vì thời cơ chưa chín muồi.

Quyết định hoãn khởi nghĩa của Trung ương Đảng chưa tới nơi, nhưng lệnh khởi nghĩa của Xứ uỷ Nam Kì đã đến các địa phương, nên cuộc khởi nghĩa vẫn nổ ra đúng thời gian quy định là đêm 22 rạng sáng 23 - 11 - 1940.

Khởi nghĩa bùng nổ từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ : Biên Hoà, Gia Định, Chợ Lớn, Tân An, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Mĩ Tho, Vĩnh Long. Chính quyền cách mạng được thành lập ở nhiều nơi. Từ trong khởi nghĩa, lần đầu tiên xuất hiện cờ đỏ sao vàng.

Do kế hoạch bị lộ, thực dân Pháp kịp thời đối phó. Chúng cho máy bay ném bom tàn sát nhân dân những vùng nổi dậy, bắt bớ nhiều người, trong đó có nhiều cán bộ lãnh đạo Đảng ở Nam Kì.

Lực lượng khởi nghĩa còn lại phải rút về vùng Đồng Tháp và U Minh để củng cố lực lượng.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kì chứng tỏ tinh thần yêu nước của các tầng lớp nhân dân miền Nam, sẵn sàng đứng lên chiến đấu chống quân thù.



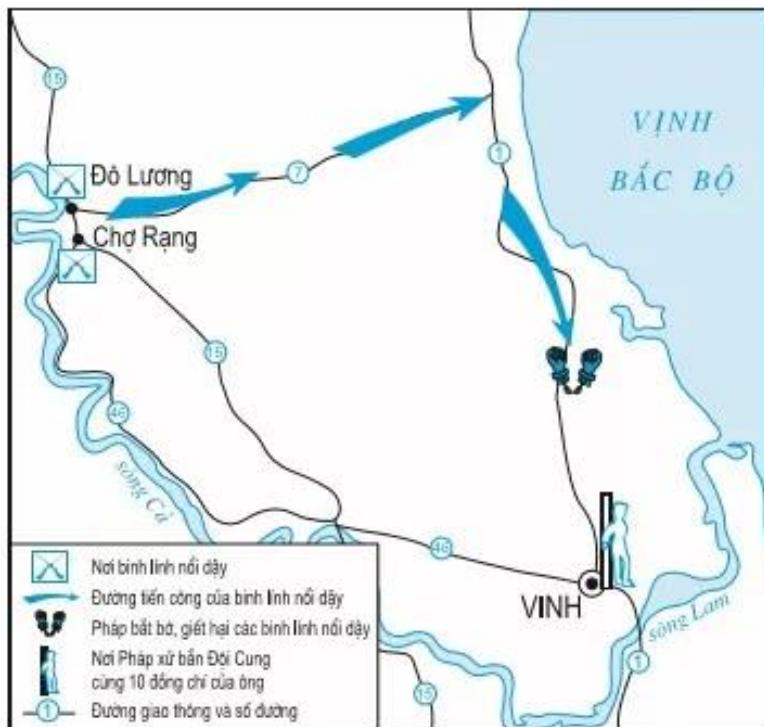
Hình 44. Lược đồ khởi nghĩa Nam Kì

c) Cuộc binh biến Đô Lương (13 – I – 1941)

Trong khi thực dân Pháp khủng bố dữ dội những người tham gia khởi nghĩa Nam Kì, tại Trung Kì những binh lính người Việt trong quân đội Pháp đã làm binh biến, chống lại việc Pháp đưa họ sang Lào đánh quân Thái Lan.

Ngày 13 – 1 – 1941, binh lính đồn Chợ Rạng (Nghệ An) dưới sự chỉ huy của Đội Cung (Nguyễn Văn Cung) đã nổi dậy. Tối hôm đó, họ đánh chiếm đồn Đô Lương rồi lên ô tô tiến về Vinh để phối hợp với binh lính ở đây chiếm thành. Nhưng kế hoạch không thực hiện được. Quân Pháp kịp thời đối phó. Chiều hôm sau, toàn bộ binh lính tham gia nổi dậy bị bắt. Ngày 11 – 2 – 1941, Đội Cung cũng bị sa vào tay giặc.

Ngày 24 – 4 – 1941, thực dân Pháp xử bắn Đội Cung cùng 10 đồng chí của ông. Nhiều người khác bị kết án khổ sai, đưa đi đày.



Hình 45. Lược đồ binh biến Đô Lương

Trong thời gian hơn 3 tháng, 3 cuộc nổi dậy nối tiếp nổ ra ở 3 miền của đất nước, do nhiều tầng lớp nhân dân và binh lính tham gia, đã nêu cao tinh thần bất khuất của dân tộc. Các cuộc nổi dậy đã thất bại vì điều kiện chưa chín muồi, nhưng "*đó là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu dấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương*".

3. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941)

Ngày 28 – 1 – 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Sau một thời gian chuẩn bị, Người chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Hà Quảng – Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 – 5 – 1941.

Hội nghị khẳng định *nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là giải phóng dân tộc*, tiếp tục thực hiện chủ trương tạm gác khẩu hiệu ruộng đất, nêu khẩu hiệu giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng công, tiến tới thực hiện người cày có ruộng. Hội nghị chỉ rõ sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp – Nhật, sẽ thành lập

Chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh thay cho Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương và giúp đỡ việc lập mặt trận ở các nước Lào, Campuchia, thay tên các hội Phản đế thành hội Cứu quốc.

Hội nghị xác định hình thái cuộc khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và kết luận : chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn hiện tại.

Hội nghị bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới, bầu Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã *hoàn chỉnh chủ trương* được đề ra tại Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939, nhằm giải quyết mục tiêu số 1 của cách mạng là dân tộc giải phóng và đề ra nhiều chủ trương sáng tạo thực hiện mục tiêu ấy.

Ngày 19 – 5 – 1941, *Việt Nam độc lập đồng minh* (gọi tắt là *Việt Minh*) ra đời. Năm tháng sau, *Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ Việt Minh* được công bố chính thức. Chương trình cứu nước của Việt Minh được đồng đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng.

4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

a) Xây dựng lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

– *Xây dựng lực lượng chính trị* : Một trong những nhiệm vụ cấp bách của Đảng là vận động quần chúng tham gia Việt Minh. Cao Bằng là nơi thí điểm cuộc vận động xây dựng các *hội Cứu quốc* trong Mặt trận Việt Minh. Đến năm 1942, khắp các châu ở Cao Bằng đều có Hội Cứu quốc, trong đó có 3 châu "hoàn toàn"⁽¹⁾. Tiếp đó, Ủy ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Ủy ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập.

Ở nhiều tỉnh, thành thuộc Bắc Kì và ở một số tỉnh Trung Kì, hầu hết các hội Phản đế (thời kì Mặt trận Phản đế Đông Dương từ tháng 11 – 1939 đến tháng 5 – 1941) chuyển thành các hội Cứu quốc (thời kì Mặt trận Việt Minh từ tháng 5 – 1941), đồng thời nhiều hội Cứu quốc mới được thành lập.

(1) Nghĩa là mọi người đều gia nhập Việt Minh.

Trong khi chú trọng tới công nhân và nông dân, Đảng còn tranh thủ tập hợp rộng rãi các tầng lớp khác như sinh viên, học sinh, trí thức, tư sản dân tộc vào mặt trận cứu nước. Năm 1943, Đảng đề ra bản *Đề cương Văn hoá Việt Nam*. Năm 1944, *Đảng Dân chủ Việt Nam* và *Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam* được thành lập, đứng trong Mặt trận Việt Minh. Đảng cũng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt trong quân đội Pháp, những ngoại kiều ở Đông Dương chống phát xít.

Báo chí của Đảng và của Mặt trận Việt Minh (*Việt Nam độc lập, Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiêng...*) đã góp phần vào việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, đấu tranh chống thù đoạn chính trị, văn hoá của địch...

– *Xây dựng lực lượng vũ trang* : Cùng với việc xây dựng lực lượng chính trị, công tác xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng được Đảng đặc biệt coi trọng. Sau khi cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn thất bại, một bộ phận lực lượng vũ trang khởi nghĩa chuyển sang xây dựng thành những đội du kích, hoạt động ở căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai. Bước sang năm 1941, những đội du kích ở khu căn cứ này lớn mạnh lên và thống nhất lại thành *Trung đội Cứu quốc quân I* (14 – 2 – 1941). Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7 – 1941 đến tháng 2 – 1942) để đối phó với sự vây quét của địch, sau đó phân tán thành nhiều bộ phận để chấn chỉnh lực lượng, gây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng tại các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn. Ngày 15 – 9 – 1941, *Trung đội Cứu quốc quân II* ra đời.

Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập đội tự vệ vũ trang để chuẩn bị cho việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân và thúc đẩy cơ sở chính trị phát triển. Người còn tổ chức các lớp huấn luyện chính trị, quân sự, biên soạn các tài liệu về đánh du kích, kinh nghiệm du kích Nga, kinh nghiệm du kích Tàu...

– *Xây dựng căn cứ địa* : Công tác xây dựng căn cứ địa cách mạng cũng được Đảng quan tâm. Vùng Bắc Sơn – Võ Nhai được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng. Năm 1941, sau khi về nước, Nguyễn Ái Quốc chọn Cao Bằng để xây dựng căn cứ địa dựa trên cơ sở lực lượng chính trị được tổ chức và phát triển. Đó là hai căn cứ địa đầu tiên của cách mạng nước ta.

Trong những vùng căn cứ cách mạng, hàng ngày diễn ra hoạt động sản xuất, xây dựng, chiến đấu, hoạt động của các đoàn thể cứu quốc, lực lượng vũ trang.

b) Gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

Từ đầu năm 1943, cuộc chiến tranh thế giới chuyển biến theo chiều hướng có lợi cho cách mạng nước ta. Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công quân Đức, sự thất bại của phe phát xít đã rõ ràng. Tình hình đó đòi hỏi Đảng ta đẩy mạnh hơn nữa công tác chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

Từ ngày 25 đến ngày 28 – 2 – 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh – Phúc Yên)⁽¹⁾. Hội nghị đã vạch ra một kế hoạch cụ thể về công việc chuẩn bị toàn diện cho cuộc khởi nghĩa vũ trang. Sau hội nghị này, công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành gấp rút.

Ở hầu khắp các vùng nông thôn và thành thị Bắc Kinh, các đoàn thể Việt Minh, Hội Cứu quốc được xây dựng và củng cố. Ở các thành phố, thị xã như Hà Nội, Hải Phòng, Uông Bí, Nam Định, Việt Trì..., các hội Cứu quốc được thành lập trong nhiều nhã mây, trường học...

Ở nhiều tỉnh ven biển Trung Kì, phong trào Việt Minh cũng phát triển mạnh trong nông dân, công nhân, dân nghèo thành thị.

Ở Nam Kì, tổ chức Việt Minh có cơ sở ở Sài Gòn, Gia Định, Tây Ninh và một số tỉnh khác.

Đặc biệt, ở các căn cứ địa Trung ương, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra khẩn trương. Ở căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai, Cứu quốc quân hoạt động mạnh, tuyên truyền vũ trang, gây dựng cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ. Trong quá trình đó, *Trung đội Cứu quốc quân III* ra đời (25 – 2 – 1944). Ở căn cứ Cao Bằng, những đội tự vệ vũ trang, đội du kích được thành lập. Năm 1943, Ban Việt Minh liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban "Xung phong Nam tiến" để liên lạc với căn cứ địa Bắc Sơn – Võ Nhai và phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi.

Ngày 7 – 5 – 1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp "Sửa soạn khởi nghĩa" và ngày 10 – 8 – 1944, Trung ương Đảng kêu gọi nhân dân "Sắm vũ khí đuổi thù chung".

Ngày 22 – 12 – 1944, theo chỉ thị của Hồ Chí Minh, *Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân* được thành lập (Nguyên Bình, Cao Bằng). Sau khi ra đời, Đội đã đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phay Khắt và Nà Ngần (Cao Bằng). Căn cứ Cao – Bắc – Lạng được củng cố và mở rộng.

Công cuộc chuẩn bị vẫn tiếp tục cho đến trước ngày Tổng khởi nghĩa.

(1) Đông Anh nay thuộc Hà Nội.



Hình 46. Lễ thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

- ❖
 - Nêu nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11 - 1939.
 - Hãy trình bày nguyên nhân, diễn biến, ý nghĩa lịch sử của Khởi nghĩa Bắc Sơn, Khởi nghĩa Nam Kì và Bình biến Đô Lương.
 - Nêu nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương (5 - 1941).
 - Công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng từ sau Hội nghị Trung ương 8 (5 - 1941) đã diễn ra như thế nào ?

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Tại sao trong 3 năm liên tiếp 1939, 1940, 1941 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đều triệu tập hội nghị ? Vấn đề quan trọng nhất được các hội nghị đề cập tới là gì ?
2. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5 - 1941) được thể hiện như thế nào ?